



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 15/03/2026 (Sunday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	21:05	23:30	↙
1.2	05:20	08:45	↗
3.3	13:05	16:30	↙
2.7	18:32	22:30	↗
3.1	22:40	02:00	↙
1	06:09	09:45	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	P.Tuấn	POS HOCHIMINH	9.2	173	18,085	P/s3 - BNPH	05:00	// 07.00, TN PM2	A3-TM
2	A.Tuấn - Thịnh	EVER BRAVE	9.3	211	32,691	P/s3 - CL3	05:00	// 08.00, TN PM2	A1-A6
3	V.Hoàng	SINAR SANUR	9.1	172	19,944	P/s3 - CL7	06:00	// 09.00, TN PM2	A1-A3
4	Đ.Chiến	MAERSK NOTODDEN	9.9	172	25,723	P/s3 - CL4	12:00	// 14.00 TN PM2	A5-A6
5	Khái	EVER WORLD	9.3	172	27,145	P/s3 - CL1	22:00	// 20.00 TN PM2	A2-A5
6	Tân	MONICA	9.4	173	17,801	P/s3 - BNPH	17:30	// 20.00	A1-08
7	P.Thùy - Đảo	BEROLINA C	10.5	209	26,435	P/s3 - CL5	19:00	// 22.00Cano DL TN PM2	A1-A5
8	Đ.Long - Đ.Minh	WAN HAI 359	9.7	204	30,519	P/s3 - CL3	20:00	//2300,DL,T NPM2	A2-A6
9	Quyết	KMTC SHANGHAI	10.5	188	20,815	P/s3 - CL4-5	22:00	// 01.00;TNPM 2	
10	T.Cần	SUNRISE DRAGON	8.5	172	17,225	P/s3 - CL1	04:00	TN PM2	
11	N.Cường	JOSCO HELEN	6.7	146	9,972	P/s1 - TCHP	11:00	ĐX ttx	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Khái - N.Minh	YM MILESTONE	12.5	306	76,787	CM2 - P/s3	05:00	MT	MR-AWA
2	T.Tùng - Đức	OOCL TULIP	12.2	367	159,260	P/s3 - CM4	09:00	Y/c MT; Po+3NM; VTX	A9-H2-STA3
3	Quyển	VIMC PIONEER	7.9	121	6,875	P/s1 - CM2	10:00		MR-AWA
4	P.Cần - M.Tùng	ONE MILLAU	13.7	366	150,709	CM3 - P/s3	12:00	MT; Po+3NM; DL	MR-KS-AWA

5	N.Thanh - Chương	ONE SINGAPORE	9.9	336	140,233	P/s3 - CM3	12:00	Y/c MP; Po+3NM; VTX	MR-KS- AWA
6	Chính	VIMC PIONEER	7	121	6,875	CM2 - K12B	16:00	+KV1	MR-AWA
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Quyết	PANCON BRIDGE	9.1	172	18,040	CL4 - P/s2	00:00	ttx	A6-TM
2	Giang	ERAMUS EFFORT	8	142	9,562	CL2 - P/s2	05:30	ttx	A2-08
3	Hoàn	HAI TIAN LONG	4.7	98	3,609	CL1 - P/s1	02:30	TN luồng PM2	A3-08
4	Hà	MCC TAIPEI	7.6	186	33,128	CL5 - P/s3	05:30	TN luồng PM2	A5-A6
5	M.Hùng	YONG SHENG 99	6.8	123	7,460	TCHP - P/s2	05:00	SR ttx	01-12
6	N.Trường	THÁI HUNG 126	3.2	92	2,984	CanGio - P/s2	05:00	ttx	
7	M.Hải - V.Dũng	YM CREDENTIAL	9.3	210	32,720	CL3 - P/s3	07:00	TN luồng PM2	A1-A5
8	N.Hoàng	SITC WENDE	9.3	172	18,724	BNPH - P/s2	08:00	TN luồng PM2 ttx	A3-08
9	Trung - Vinh	SPIL NIRMALA	10.5	212	26,638	CL4-5 - P/s3	10:00	TN luồng PM2	A2-A6
10	Đặng	SITC SHANDONG	8.7	172	17,119	CL7 - P/s2	09:00	TN luồng PM2 ttx	A3-AB02
11	N.Dũng	POS HOCHIMINH	7.3	173	18,085	BNPH - P/s2	20:00	TN luồng PM2 ttx	A1-TM
12	P.Hải - V.Hải	EVER BRAVE	9.9	211	32,691	CL3 - P/s3	22:00	DL; TN PM2	A1-A6
13	Nghị - H.Trường	SHANGHAI VOYAGER	10.3	200	27,061	CL5 - P/s3	20:30	Cano DL	A2-A6
14	A.Tuấn	JOSCO HELEN	8	146	9,972	TCHP - P/s2	22:00	TN luồng PM2;ttx	01-12
15	P.Thùy	SITC XIN	8.3	172	19,011	BNPH - P/s2	00:00	TN luồng PM2 ttx	A1-A3
16	Duy	PHU QUY 126	3.2	100	4,332	CanGio - P/s2	14:00	ĐX ttx	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Nghị	SHANGHAI VOYAGER	10.5	200	27,061	BP6 - CL5	07:00		A2-A6
2	H.Trường	STARSHIP JUPITER	10.6	197	27,997	BP7 - CL4-5	10:00		A1-A5